Ký bởi: Cổng thông tin điện tử
Email: cttdt.vpubnd@bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Thời gian ký: 13.12.2024 08:29:50 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1663 /QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 12 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch hoạt động công tác Dân số năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 15/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Công văn số 6676/BYT-CDS ngày 29/10/2024 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 1035/CDS-KHTC ngày 02/10/2024 của Cục Dân số về việc định hướng kế hoạch công tác dân số năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 510/KH-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Bắc Ninh thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 3442/TTr-SYT ngày 04/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động công tác Dân số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Y tế; các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Dân số-Bộ Y tế (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTTH, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX(NMH).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Xuân Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Hoạt động công tác Dân số năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 1663 /QĐ-UBND ngày 12 /12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chung

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ số giới tính khi sinh, từng bước đưa tỷ số giới tính khi sinh trở về mức cân bằng tự nhiên;

- Nâng cao chất lượng sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh trên phạm vi toàn tỉnh;

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; chăm sóc sức khỏe sinh sản; sức khỏe tiền hôn nhân;

- Từng bước phấn đấu đạt mức sinh thay thế;

- Mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại;

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số trong ngành y tế.

3. Chỉ tiêu thực hiện năm 2025

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm từ năm 2020 đến năm 2024, các đơn vị xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 phải đảm bảo thống nhất với các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp của giai đoạn 2020-2025, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị.

3.1. Các chỉ tiêu chuyên môn về dân số

- Giảm tỷ số giới tính khi sinh: 16,2 điểm% (về mức 111 trẻ trai/100 trẻ gái);

- Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên 2%;

- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đạt 88%;

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đạt 80%;

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70%;

- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm đạt 85%;

- Tỷ lệ người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung đạt 100%;

- Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 70,6%;

- Tỷ lệ dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư: 100%.

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70%.

- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đủ năng lực cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70%.

3.2. Chỉ tiêu số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại

Tổng số người mới sử dụng BPTT hiện đại trong năm: 48.158 người; Trong đó:

+ Đặt vòng: 7.815 người

+ Thuốc cấy tránh thai: 200 người

+ Thuốc tiêm tránh thai: 658 người

+ Thuốc uống tránh thai: 19.015 người

+ Bao cao su: 20.470 người

(Định hướng các chỉ tiêu nhiệm vụ chuyên môn cho các huyện, thị xã, thành phố - chi tiết tại phụ lục kèm theo).

II. CÁC HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2025

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành các văn bản, kế hoạch, đề án để thực hiện có hiệu quả các hoạt động, nhiệm vụ công tác dân số năm 2025 và các Kế hoạch giai đoạn đến năm 2030. Đưa nhiệm vụ, hoạt động công tác dân số vào kế hoạch hoạt động thường xuyên, kế hoạch phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm đẩy mạnh việc lồng ghép những hoạt động có liên quan phù hợp với từng nhóm đối tượng.

1. Tổ chức bộ máy và nhân lực

- Tiếp tục kiện toàn Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân/Ban Chỉ đạo dân số và phát triển các cấp.

- Ổn định củng cố tổ chức bộ máy chuyên trách và bố trí đủ nhân lực làm công tác dân số các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác dân số trong tình hình mới.

- Thực hiện tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức làm công tác dân số theo vị trí việc làm. Xây dựng chính sách thu hút cán bộ làm công tác dân số.

- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chuẩn hóa đội ngũ làm công tác dân số đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới theo Quyết định 496/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Chính phủ.

2. Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 theo Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình điều chỉnh mức sinh tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030 theo Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh

- Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con, khuyến khích thực hiện giảm sinh tại các địa bàn có mức sinh và sinh con thứ 3 trở lên cao. Xây dựng các chuyên trang, chuyên đề trên Báo Bắc Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, báo điện tử,…; sản xuất, tổ chức các chương trình tọa đàm, giao lưu trực tuyến; đăng tải video clip tuyên truyền, vận động về giảm sinh và giảm sinh con lần 3 trở lên để từng bước đạt mục tiêu mức sinh thay thế.

- Cung cấp phương tiện tránh thai (PTTT):

+ Bảo đảm cung cấp đủ PTTT hiện đại miễn phí cho tất cả người dân có nhu cầu sử dụng, hiện đang cư trú trên địa bàn, bao gồm các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, người đơn thân, vị thành niên, thanh niên, người tạm trú, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

+ Dự kiến trong năm 2025 nguồn PTTT miễn phí do Trung ương cấp chỉ có dụng cụ tử cung, do đó các địa phương căn cứ nhu cầu, chỉ tiêu kế hoạch được giao bố trí kinh phí mua các loại PTTT khác *(thuốc cấy tránh thai; thuốc tiêm, thuốc uống tránh thai; bao cao su)* để cấp cho các đối tượng ưu tiên được cấp miễn phí theo Chương trình Điều chỉnh mức sinh của địa phương và hướng dẫn tại Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

+ Đối tượng, thủ tục cấp phát PTTT miễn phí và một số nội dung liên quan thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 10578/BYT-TCDS ngày 14/12/2021 của Bộ Y tế; Công văn số 909/TCDS-QMDS ngày 31/12/2021 của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Tổ chức ít nhất 02 đợt Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số tại các xã, phường, thị trấn và các khu công nghiệp, khu chế xuất, chú trọng cung cấp các biện pháp tránh thai dài hạn; đảm bảo thuốc thiết yếu, thiết bị y tế, PTTT phục vụ chiến dịch đầy đủ và kịp thời. Triển khai các mô hình can thiệp, khuyến khích không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày và không sinh nhiều con. Tổng kết, đánh giá kết quả triển khai Chiến dịch giai đoạn 2020-2025, làm cơ sở đề xuất nội dung Chiến dịch giai đoạn 2026-2030.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số, người cung cấp dịch vụ theo kế hoạch. Lồng ghép các nội dung về dân số - phát triển vào chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý trong trường chính trị.

3. Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030 tỉnh Bắc Ninh theo Kế hoạch số 529/KH-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 134/QĐ-BYT ngày 19/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Phiếu giám sát tình hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) của Trạm Y tế xã tại địa phương; Quyết định số 160/QĐ-CDS ngày 18/7/2024 của Cục trưởng Cục Dân số về việc

ban hành Phiếu giám sát cộng tác viên dân số về tuyên truyền, tư vấn và cung cấp biện pháp tránh thai tại cộng đồng.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn về PTTT, dịch vụ KHHGĐ; bổ sung chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân khi tham gia cung ứng dịch vụ KHHGĐ.

- Bổ sung trang thiết bị, dụng cụ y tế và nâng cấp cơ sở vật chất kho bảo quản PTTT, mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGĐ các cấp.

- Hỗ trợ kỹ thuật, duy trì vận hành ổn định hệ thống thông tin quản lý hậu cần PTTT (LMIS) tại các tuyến phục vụ quản lý, điều phối PTTT kịp thời.

- Tăng cường tập huấn kỹ thuật dịch vụ KHHGĐ; tư vấn KHHGĐ và các BPTT, nâng cao năng lực cung cấp KHHGĐ phi lâm sàng đảm bảo duy trì mạng lưới cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ tại cơ sở.

- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ thường xuyên; chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh, đối tượng khó tiếp cận, địa bàn trọng điểm, khu công nghiệp; các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGĐ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên phù hợp trong tình hình mới.

- Triển khai các mô hình nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ KHHGĐ: hỗ trợ sinh sản; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh tại cộng đồng; dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp giảm phá thai ở vị thành niên, thanh niên.

- Đánh giá, sơ kết 05 năm thực hiện Kế hoạch số 529/KH-UBND; kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình cho giai đoạn tiếp theo.

4. Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh theo Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030 theo Kế hoạch số 355/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh

Triển khai thực hiện các hoạt động tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh theo Quyết định số 1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Quyết định 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản; Kế hoạch số 355/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo có liên quan.

- Rà soát các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội mang thai trong năm 2025 có đăng ký sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí các gói cơ bản theo hướng dẫn tại Công văn số 146/BYT-TCDS ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn đối tượng sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg

ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 5708/BYT-TCDS ngày 11/10/2022 của Bộ Y tế về việc thông báo không thu phí gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 877/TCDS-CCDS ngày 07/12/2022 của Tổng cục DS-KHHGĐ về việc hướng dẫn quản lý đối tượng được miễn phí thực hiện nhiệm vụ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quản lý, chăm sóc trường hợp nguy cơ cao mắc bệnh nội tiết, chuyển hóa và di truyền bẩm sinh sau sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Duy trì các hoạt động câu lạc bộ tiền hôn nhân tại cộng đồng và trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

- Đẩy mạnh truyền thông, tư vấn tại cộng đồng và tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Tổ chức lồng ghép hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn vào các hoạt động khác của địa phương.

- Thực hiện sơ kết tình hình thực hiện Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh và sơ kết 5 năm thực hiện chương trình.

5. Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ; đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Ninh theo Kế hoạch số 382/KH-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh

- Duy trì các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh (MCBGTKS); lồng ghép nội dung kiểm soát MCBGTKS vào hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể.

- Thực hiện phổ biến, giáo dục và nâng cao hiệu lực thực thi những quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

- Đưa nội dung kiểm soát MCBGTKS vào các buổi sinh hoạt ngoại khóa cho học sinh trong các nhà trường; trong hương ước, quy ước của làng, thôn, cụm dân cư.

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về kiểm soát MCBGTKS.

- Tăng cường rà soát, bổ sung các chính sách khuyến khích, hỗ trợ; đẩy mạnh tổ chức chiến dịch, hoạt động vận động tại các địa bàn trọng điểm.

- Triển khai đánh giá, tổng kết 10 năm thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

6. Chương trình Chăm sóc người cao tuổi theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030 theo Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh

- Tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở cộng đồng bao gồm: tư vấn, hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe; nâng cao năng lực cho trạm y tế xã, phường, thị trấn; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi; tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi;

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, Hội người cao tuổi các cấp tiếp tục xây dựng và duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào câu lạc bộ liên thế hệ và các loại hình câu lạc bộ khác của người cao tuổi; phát triển mạng lưới tình nguyện viên, tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn cho người làm công tác tư vấn, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở các cơ sở chăm sóc sức khỏe; cán bộ dân số và tình nguyện viên ở cơ sở.

- Xây dựng Đề án thành lập bệnh viện Lão khoa theo tiến độ tại Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Thành lập/kiện toàn phòng khám lão khoa, khoa lão/khu điều trị cho người cao tuổi tại các cơ sở khám, chữa bệnh có giường bệnh trong và ngoài công lập *(trừ bệnh viện Sản Nhi)*.

- Tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi giai đoạn 2021-2025; xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030.

7. Chương trình Truyền thông dân số theo Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động để quán triệt sâu sắc hơn Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 15/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện công tác dân số trong tình hình mới; tuyên truyền quan điểm của Đảng về công tác dân số trong tình hình mới "Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân", đảm bảo thống nhất nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của toàn xã hội về chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

- Truyền thông, vận động đa dạng và phù hợp với từng nhóm đối tượng về các nội dung của dân số và phát triển trong mục tiêu của Nghị quyết 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới bao gồm: duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

- Đẩy mạnh các đợt truyền thông cao điểm về những vấn đề dân số ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của đất nước, của tỉnh và địa phương: tốc độ

già hóa dân số nhanh và sớm trở thành quốc gia dân số già là thách thức lớn cho phát triển kinh tế và an sinh xã hội; tỉ số giới tính khi sinh vẫn luôn ở mức cao…

- Cung cấp thông tin, tuyên truyền về kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế của việc triển khai các chương trình, đề án, dự án, mô hình, kế hoạch về công tác dân số trong tình hình mới để tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực của các sở, ban, ngành, đoàn thể, cá nhân, tổ chức và sự ủng hộ, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân. Cụ thể như sau:

+ Hướng dẫn chỉ đạo, tổ chức thực hiện và giám sát nội dung, hoạt động; quán triệt và thống nhất trong toàn hệ thống chính trị về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện toàn diện công tác dân số trong sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Cung cấp thông tin định kỳ và đột xuất cho Ban Chỉ đạo tuyến tỉnh, phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tạo đồng thuận và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong giải quyết các vấn đề quan trọng, liên ngành về dân số và phát triển.

+ Tuyên truyền trên Báo Bắc Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: thường xuyên đưa tin về thông tin dân số và phát triển; xây dựng và phát sóng các chương trình chuyên về dân số và phát triển; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, giao lưu, tọa đàm, các tờ tin, bản tin chuyên đề về công tác dân số...

+ Tổ chức các cuộc mít tinh, cổ động, diễu hành, nói chuyện chuyên đề nhân các sự kiện, ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành dân số: Ngày Thalassemia thế giới 8/5; Ngày Dân số Thế giới 11/7; Ngày Quốc tế trẻ em gái 11/10; Ngày Quốc tế Người cao tuổi 1/10; Tháng hành động quốc gia về Dân số tháng 12 và Ngày Dân số Việt Nam 26/12 tại các cấp (nội dung, chủ đề của các sự kiện theo hướng dẫn của Tổng Cục Dân số).

- Sản xuất, nhân bản và phân phối các tài liệu và sản phẩm truyền thông:

+ Sản xuất và cung cấp các bản tin, tài liệu vận động về dân số và phát triển cho các cấp lãnh đạo (bản tin, sách mỏng, tờ rơi, các báo cáo tổng hợp…).

+ Sản xuất các sản phẩm truyền thông và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giải trí phù hợp với vị thành niên, thanh niên: Biên soạn hoặc nhân bản các tài liệu truyền thông như tờ rơi, sách mỏng; tổ chức các chương trình truyền hình thực tế, chương trình trò chơi truyền hình, tọa đàm, giao lưu… về các vấn đề liên quan đến dân số và phát triển dành cho vị thành niên, thanh niên.

- Truyền thông đa dạng trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các loại hình truyền thông số, tăng cường kết nối truyền thông trên mạng xã hội.

- Tổ chức hội thảo, tập huấn, học tập trao đổi kinh nghiệm truyền thông về dân số và phát triển.

- Duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông trong các chiến dịch truyền thông lồng ghép với dịch vụ, trong các mô hình truyền thông, câu lạc bộ, các góc truyền thông và điểm truyền thông tại cộng đồng.

- Xây dựng, duy trì và phát triển các mô hình truyền thông đã và đang hoạt

động có hiệu quả tại địa phương cho từng nhóm đối tượng lồng ghép với hoạt động văn hóa của địa phương.

8. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp theo Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ

Ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 520/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021-2030 và Quyết định số 441/QĐ-BYT ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021-2030.

9. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số theo Quyết định 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ

- Tiếp tục công tác thu thập thông tin vào sổ A0 và cập nhật vào kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và tập huấn cho cán bộ tham gia hệ thống thông tin chuyên ngành dân số (thu thập và cập nhật thông tin).

10. Công tác kiểm tra, thanh tra

- Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá chỉ tiêu, hoạt động công tác dân số tại các huyện, thị xã, thành phố năm 2025.

- Triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về dân số theo quy định của Luật Thanh tra năm 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ và Quyết định số 5745/QĐ-BYT ngày 10/12/2019 của Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành dân số đến năm 2025 theo thẩm quyền.

11. Chính sách khuyến khích

Tiếp tục thực hiện chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số theo Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước về phân cấp ngân sách địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể và Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đạt hiệu quả các hoạt động và chỉ tiêu kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai, thực hiện các chương trình, mô hình, đề án hoạt động đảm bảo giải quyết toàn diện các vấn đề về dân số, bao gồm: Quy mô, cơ cấu và nâng cao chất lượng dân số; triển khai các giải pháp để

đạt mức sinh thay thế, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi, thích ứng với già hoá dân số.

- Chú trọng công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, cán bộ trực tiếp cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình - sức khỏe sinh sản các tuyến, đặc biệt là tuyến xã để đảm bảo tính sẵn có và khả năng tiếp cận, sử dụng thuận lợi của người dân.

- Làm đầu mối phối hợp với một số sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số năm 2025 tại các đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ.

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh trong việc tuyên truyền, vận động, giáo dục cán bộ, hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân gương mẫu thực hiện chính sách dân số.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kế hoạch vốn đầu tư công (nếu có) trung hạn, hằng năm thực hiện các hoạt động của kế hoạch theo phân cấp đầu tư trên địa bàn tỉnh và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổng hợp các nội dung, chỉ tiêu dân số vào chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo đề xuất của Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Sở Tài chính

Căn cứ chế độ, chính sách và khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp dự toán; tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước về phân cấp ngân sách địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Y tế rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản, chính sách pháp luật theo hướng tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân số, tập trung chính sách để đạt mức sinh thay thế; phối hợp tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về công tác dân số cho công dân khi đến đăng ký kết hôn, đăng ký hộ tịch, khai sinh.

5. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Y tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố củng cố tổ chức bộ máy chuyên trách và nhân lực làm công tác dân số các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác dân số trong tình hình hình mới.

- Phối hợp chỉ đạo công tác tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức làm công tác dân số theo vị trí việc làm.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, chỉ đạo các đơn vị trong ngành phối hợp với các đơn vị Y tế lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giới và giới tính, mất cân bằng giới tính khi sinh cho học sinh trong nhà trường phù hợp từng cấp học trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng, chăm sóc người già neo đơn, không nơi nương tựa; lồng ghép các hoạt động trong chương trình, kế hoạch của ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao để thực hiện các mục tiêu, nội dung kế hoạch này.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở phối hợp với các cơ quan chức năng thường xuyên tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số trong tình hình mới, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với các cơ sở kinh doanh, lưu hành sách, ấn phẩm có nội dung tuyên truyền, phổ biến về lựa chọn giới tính thai nhi.

9. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo các đơn vị trong ngành phối hợp với đơn vị Y tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục triển khai lồng ghép các nội dung kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước của các thôn, khu phố.

10. Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ

Tiếp tục đưa các nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào giảng dạy tại trường.

11. Liên đoàn lao động tỉnh

Phối hợp với các đơn vị Y tế tổ chức các hoạt động truyền thông lồng ghép về Dân số, khám sức khoẻ cho đoàn viên, công nhân lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh

12. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Ninh và các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn:

Tăng cường thực hiện truyền thông về công tác dân số, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững. Đăng tải, phát sóng tin bài, phóng sự, chuyên đề về dân số - phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo các phòng, ban liên quan đưa chỉ tiêu về dân số vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện và cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân trong công tác dân số. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số của các địa phương, đơn vị.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, các chủ trương, chính sách, giải pháp của Đảng, Nhà nước về công tác dân số, đặc biệt là giải pháp để đạt mức sinh thay thế, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số theo chương trình, đề án đã được phê duyệt.

- Rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy, nhân lực làm công tác dân số, đảm bảo nguồn lực để thực hiện hiệu quả công tác dân số trên địa bàn tỉnh; Thực hiện tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức làm công tác dân số theo vị trí việc làm. Quan tâm xây dựng chính sách thu hút đội ngũ cán bộ làm công tác dân số. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chuẩn hóa đội ngũ làm công tác dân số đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới theo quyết định 496/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đưa mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của HĐND, UBND cấp huyện để tổ chức thực hiện. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản để triển khai đồng bộ, hiệu quả chủ trương, chính sách pháp luật về công tác dân số nhất là các địa phương có tỷ số giới tính khi sinh cao.

- Bố trí ngân sách địa phương cho công tác dân số đảm bảo thực hiện các Chương trình, hoạt động đạt hiệu quả.

- Nâng cấp, đầu tư hệ thống dịch vụ, cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu dân số.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ và giải pháp thực hiện công tác dân số tại địa phương theo kế hoạch trong năm 2025.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Người cao tuổi tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội, đoàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao tại các Chương trình, Kế hoạch về công tác dân số đến năm 2030 của tỉnh, triển khai các hoạt động thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ và giải pháp thực hiện công tác dân số.

- Tăng cường tuyên truyền hội viên thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số.

Trên đây là Kế hoạch công tác Dân số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2025; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể nhân dân, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh *(qua Sở Y tế)* trước ngày **05/12/2025**./.

CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN CÔNG TÁC DÂN SỐ TỈNH BẮC NINH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1663 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn tỉnh	Gia Bình	Lương Tài	Thuận Thành	Quế Võ	Tiên Du	Yên Phong	Tp. Bắc Ninh	Từ Sơn
1	Mức Tăng/Giảm tỷ số giới tính khi sinh	Điểm %	**-16,2**	-17,4	-15,4	-13,7	-7,1	-23,7	-17,4	-17,1	-23,8
2	Điều chỉnh mức sinh (mức tăng/giảm tỷ suất sinh)	‰	**-0,2**	-0,5	0,0	-0,6	0,0	-0,8	0,0	0,0	0,0
3	Mức Tăng/Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên	%	**-2,0**	**-3,2**	**-2,0**	**-2,0**	**-2,0**	**-2,0**	**-4,5**	**-1,0**	**-2,0**
4	Tỷ lệ Sàng lọc trước sinh	%	**88,0**	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0	88,0
5	Tỷ lệ Sàng lọc sơ sinh	%	**80,0**	80,0	80,0	80,0	80,0	80,0	80,0	80,0	80,0
6	Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	**70,0**	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0
7	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm	%	**85,0**	85,0	85,0	85,0	85,0	85,0	85,0	85,0	85,0
8	Tỷ lệ người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung	%	**100**	100	100	100	100	100	100	100	100
9	Tỷ lệ sử dụng BPTT hiên đại	%	**70,6**	72,0	70,0	71,0	71,0	71,0	71,0	72,0	70,0
10	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ SLTS; SLSS theo hướng dẫn chuyên môn	%	**70,0**	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0	70,0
11	Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đủ năng lực cung cấp dịch vụ SLTS; SLSS theo hướng dẫn chuyên môn	%	**70,0**								
9	Tổng số người mới thực hiện BPTT hiện đại trong năm, trong đó:	Người	***48.158***	***3.987***	***4.114***	***6.801***	***6.921***	***5.928***	***6.286***	***8.028***	***6.093***
9.1	*Đặt vòng*	*Người*	***7.815***	*637*	*663*	*1.085*	*1.132*	*1.000*	*1.025*	*1.277*	*996*
9.2	*Thuốc cấy tránh thai*	*Người*	***200***	*17*	*17*	*29*	*35*	*25*	*27*	*25*	*26*
9.3	*Thuốc tiêm tránh thai*	*Người*	***658***	*128*	*100*	*85*	*55*	*120*	*70*	*45*	*55*
9.4	*Thuốc uống tránh thai*	*Người*	***19.015***	*1.545*	*1.602*	*2.696*	*2.746*	*2.304*	*2.488*	*3.218*	*2.417*
9.5	*Bao cao su*	*Người*	***20.470***	*1.662*	*1.731*	*2.906*	*2.954*	*2.479*	*2.676*	*3.462*	*2.600*
10	Tỷ lệ dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư	%	**100**	100	100	100	100	100	100	100	100